TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/KDTM-PT
Ngày 03 - 8 - 2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Danh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huy Cẩn và ông Nguyễn Xuân Trọng

- Thư ký phiên toà: Bà Trần H Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Cao Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 04/2023/TLPT-KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2023.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/ KDTM-ST ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 64/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N Việt Nam; Địa chỉ: Số 02 L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông T - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N Việt Nam chi nhánh huyện V, là người đại diện theo ủy quyền lại (Văn bản ủy quyền lại ngày 02/12/2022), (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê X, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã O, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn, (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 2, xã O, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

4. *Người kháng cáo*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê H.

5. *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng N Việt Nam trình bày:

Ngày 21/01/2013, ông Lê X có ký Hợp đồng tín dụng số 03 với Ngân hàng N Việt Nam chi nhánh huyện V để vay số tiền 800.000.000 đồng. Mục đích vay là để kinh doanh lợn thịt, trâu bò thịt (có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tên chủ hộ kinh doanh là Lê X). Thời gian vay, lãi suất vay, thời hạn trả nợ đã được thể hiện cụ thể tại hợp đồng tín dụng. Để đảm bảo cho khoản vay trên, vợ chồng ông Việt, bà Hcó ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 03, thế chấp quyền sử dụng đất cùng tài sản trên đất tại thửa đất số 137, tờ bản đồ số 09a, diện tích 151m^2 tại thôn 6, xã O, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã được Uỷ ban nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BK 984015 ngày 11/6/2012 đứng tên ông Lê X và bà Lê H. Tài sản trên đất gồm 01 nhà 03 tầng (xây năm 2010) có công trình phụ khép kín.

Sau khi xác lập Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho khách hàng vay số tiền 800.000.000 đồng. Ông Việt, bà Hđã sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện việc trả tiền gốc, tiền lãi. Đến cuối năm 2014, do Xbị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Ông Việt, bà Hđã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng. Từ ngày 26/01/2015, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của Xsang nợ quá hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Việt, bà Hđã trả được một phần tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 07/3/2023 Xvà bà Hcòn nợ Ngân hàng số tiền 943.284.032 đồng, trong đó tiền gốc 650.000.000 đồng và tiền lãi 293.284.032 đồng (tiền lãi tính đến ngày 07/3/2023).

Ngân hàng N Việt Nam khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Lê X và bà Lê H phải trả cho Ngân hàng số tiền 943.284.032 đồng, trong đó tiền gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi là 293.284.032 đồng (tiền lãi tính đến ngày 07/3/2023). Xvà bà Hcòn phải trả lãi cho Ngân hàng kể từ ngày 08/3/2023 cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp, ông Việt, bà Hkhông trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Đối với quyền sử dụng đất thì đề nghị xử lý theo diện tích đất đo đạc thực tế là 151,5m^2. Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị xử lý đối với các tài sản khác thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của ông Việt, bà Hđể đảm bảo việc trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Lê X trình bày: Ông thừa nhận toàn bộ việc xác lập hợp đồng tín dụng số 03 ngày 21/3/2013, các điều khoản của hợp đồng tín dụng, số tiền gốc, thời hạn trả tiền gốc, tiền lãi theo hợp đồng, mục đích vay vốn. Ông không có ý kiến gì về tính hợp pháp của hợp đồng. Ông thừa nhận để đảm bảo khoản vay ông và vợ là bà Lê H đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 137, tờ bản đồ số 09a, diện tích 151m2 tại thôn 6, xã O, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, đất

đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/6/2012 đứng tên Ông Lê X và bà Lê H. Tài sản trên đất gồm 01 nhà 03 tầng (xây năm 2010) có công trình phụ khép kín. Đối với tài sản thế chấp thì chỉ thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông và bà Hchứ không có đồng sở hữu, sử dụng nào khác. Đến cuối năm 2014, do gia đình làm ăn thua lỗ, ông bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên không còn khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Hiện ông bị giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn và chờ thi hành án tử hình. Thông qua thông tin của bà Hthì ông được biết bà Hđã trả được một phần tiền cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng N Việt Nam yêu cầu vợ chồng ông phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng và đề nghị xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp vợ chồng ông không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, ông không có ý kiến gì mà chỉ đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho trả dần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê H trình bày: Bà thừa nhận toàn bộ lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc xác lập hợp đồng tín dụng, các điều khoản cụ thể của hợp đồng, số tiền gốc, thời gian trả nợ, thừa nhận việc thế chấp tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của bà và X theo Hợp đồng thế chấp tài sản là đúng. Sau khi X bị bắt, bị giam giữ thì bà là người trả môt phần tiền cho Ngân hàng. Toàn bộ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng thì được bà và X sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng, vợ chồng bà đã sử dụng vốn vay đúng mục đích. Đối với tài sản bảo đảm thì tại thời điểm Tòa án tiến hành việc xét, thẩm định tại chỗ so với khi bà và Xthế chấp để đảm bảo nghĩa vụ vay vốn cho Ngân hàng thì vẫn giữ nguyên hiện trạng, không thay đổi gì. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N Việt Nam buộc vợ chồng bà phải trả toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi theo hợp đồng, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp thế chấp bà không có ý kiến gì. Do điều kiện kinh tế khó khăn bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để bà được trả dần.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/ KDTM-ST ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định: Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 293, Điều 294, Điều 299, khoản 3 Điều 307, Điều 323, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 244; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N Việt Nam.

Buộc vợ chồng ông Lê X, bà Lê H phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền 943.284.032 đồng, trong đó tiền gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi là

293.284.032 đồng (tiền lãi tính đến ngày 07/3/2023). Kể từ ngày 08/3/2023 Xvà bà Hcòn phải tiếp tục chịu khoản lãi suất quá hạn phát sinh của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 03 ngày 21/3/2013 cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp vợ chồng ông Lê X và bà Lê H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N Việt Nam thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 03 ngày 18/01/2013.

Tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 151m^2 (theo kết quả đo đạc thực tế là 151,5m^2) tại thửa số 137, tờ bản đồ số 09a thuộc thôn 2, xã O, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ông Lê X và bà Lê H. Các chiều, cạnh tiếp giáp cụ thể như sau: Cạnh 1, 6 = 6,22m; Cạnh 5,6 = 2,53m (đều giáp đường bê tông); Cạnh 1, 2 = 6,28m; Cạnh 2,3 = 8,72m (đều giáp đường bê tông); Cạnh 3,4 = 9,75m (giáp đất nhà ông Giang Văn G); Cạnh 4,5 = 17,52m (giáp đất nhà ông Lê Xuân Vi).

Các tài sản trên đất gồm có: 01 ngôi nhà 3 tầng; 01 mái hắt lợp tôn 08m2; 01 sân gạch lát đỏ 42,6m2; 02 trụ cổng; 02 cánh cổng sắt; 02 đoạn tường xây 10 bổ trụ chát hai mặt, xây lửng trên rào sắt, cao 02m (đoạn một dài 6,22m, đoạn hai dài 15m; 01 cây ổi; 01 cây hồng xiêm (02 thân) *(có sơ đồ chi tiết kèm theo)*.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà không đủ để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N Việt Nam có quyền yêu cầu xử lý bằng các khoản thu nhập, tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp khác của ông Lê X và bà Lê H để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm miễn số tiền lãi cho ông Việt.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có kháng nghị đề nghị sửa bản án sơ thẩm do vi phạm trong việc áp dụng pháp luật, thu thập chứng cứ, không xác định lãi suất theo thỏa thuận, không áp dụng việc điều chỉnh lãi suất theo Hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo bà Lê H giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm và xin người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho được miễn toàn bộ lãi và trả dần số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng, ngoài ra bà H không có tài liệu, chứng cứ gì bổ sung để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Theo Hợp đồng tín dụng số 03 ngày 21/01/2013 giữa Ngân hàng và ông Lê X đã thỏa thuận mức lãi suất hai bên thoả thuận tại là 13%/năm, đến ngày 25/7/2014 ngân hàng điều chỉnh lãi suất là 11%/năm. Ngày 26/01/2015, do X vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng đã chuyển khoản nợ 800.000.000 đồng sang nợ quá hạn. Ngân hàng chỉ tính mức lãi suất đối với X từ khi vay đến trước khi trả hết nợ là lãi suất trong hạn 11%/năm. Ngày 05/01/2022 thực hiện chủ trương của Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam đối với khách hàng có khoản nợ quá hạn lâu ngày, ngân hàng ra thông báo điều chỉnh lãi suất là 4,86%/năm đối với khoản nợ 800.000.000 đồng mà không tính lãi suất theo Hợp đồng tín dụng. Về số tiền nợ gốc thì bà H đã trả được 150.000.000 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Việt, bà H phải trả số tiền tính đến ngày 07/3/2023 là 943.284.032 đồng, trong đó tiền gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi là 293.284.032 đồng. Kể từ ngày 08/3/2022 yêu cầu ông X, bà H phải trả số tiền lãi đối với số tiền 650.000.000 đồng với mức lãi 4,86% đến khi trả hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định; các đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo, chấp nhận toàn bộ nội dung kháng nghị, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm thì có đủ cơ sở để xác định ngày 21/01/2013, ông Lê X có vay của Ngân hàng N Việt Nam chi nhánh huyện V (sau đây viết tắt là Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh huyện V) số tiền gốc là 800.000.000 đồng; mục đích vay là mua bán lợn thịt, trâu bò thịt; mức lãi suất thỏa thuận là 13%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cùng loại. Do mức lãi suất trên thị trường thay đổi nên Ngân hàng đã điều chỉnh lãi xuống mức 11%/năm kể từ ngày 25/7/2014. Do kinh doanh thua lỗ Xkhông tr ả được gốc và lãi theo thỏa thuận nên từ ngày 26/01/2015 khoản vay của X đã chuyển sang nợ quá hạn. Theo quy định của NHNN&PTNT Việt Nam thì X thuộc đối tượng có khoản nợ quá hạn lâu ngày và được áp dụng mức lãi suất là 4,86%/năm trên số nợ gốc còn lại cho đến khi trả nợ xong. Tính đến thời điểm khởi kiện thì ông X, bà H đã trả được 150.000.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu X phải trả 650.000.000 đồng tiền gốc và

tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 07/3/2023 là 293.284.032 đồng theo mức lãi suất là 4,86%/năm. Phía X và bà H nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, thừa nhận còn nợ tiền gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi là 293.284.032 đồng.

Với nội dung nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Việt, bà Hphải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện V tổng số tiền 943.284.032 đồng, trong đó tiền gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi là 293.284.032 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 07/3/2023 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê H thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H vẫn thừa nhận vợ chồng bà và X còn nợ của Ngân hàng tiền gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 293.284.032 đồng. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế của gia đình lâm vào tình trạng khó khăn, X đang trong thời gian chờ thi hành án hình sự với mức hình phạt tử hình nên bà xin Ngân hàng cho miễn toàn bộ số tiền lãi và được trả dần số tiền gốc còn nợ. Do Ngân hàng không chấp nhận đề nghị của bà Hnên yêu cầu kháng cáo của bà không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc:

[4.1] Về pháp luật áp dụng để giải quyết tranh chấp: Quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp.

Đối với tranh chấp hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với Xđược xác lập ngày 21/01/2013, bên cho vay đã giao đủ tiền còn bên vay chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ nên thuộc trường hợp giao dịch đang được thực hiện và văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng để giải quyết tranh chấp phải là văn bản có hiệu lực pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 là đúng pháp luật. Tuy nhiên, ngoài Luật Tổ chức tín dụng thì Tòa án cấp sơ thẩm còn áp dụng thêm các điều luật liên quan đến hợp đồng dân sự về vay tài sản của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết là không đúng quy định.

Đối với tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản: Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng với ông Việt, bà Hđược xác lập ngày 18/01/2013, các bên chưa thực hiện thỏa thuận về xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng nên thuộc trường hợp giao dịch chưa được thực hiện và văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng để giải quyết tranh chấp phải là văn bản có hiệu lực pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng chứ không phải là văn bản hiện hành. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng văn bản pháp luật đang có hiệu lực để giải quyết là không đúng quy định. Tuy nhiên, đối chiếu nội dung điều luật giữa văn bản mới và văn bản cũ thì

không có sự khác biệt nên không làm thay đổi đường lối giải quyết vụ án và cũng không xâm phạm quyền lợi của đương sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về trường hợp đương sự rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện trong vụ án là có sự nhầm lẫn trong đánh máy vì nguyên đơn không rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tòa án cấp phúc thẩm sẽ sửa lại điều luật làm căn cứ áp dụng cho chính xác.

[4.2] Về việc thu thập chứng cứ, xác định lãi suất, điều chỉnh lãi suất theo Hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và phải có nghĩa vụ thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tài liệu nộp kèm theo trong suốt quá trình xét xử sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam Chi nhánh V không trình bày rõ về mức lãi suất áp dụng, không cung cấp tài liệu thể hiện việc điều chỉnh lãi suất từ 11%/năm xuống 4,86%/năm. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn mới cung cấp chứng cứ là Thông báo điều chỉnh lãi suất cho vay từ ngày 05/01/2022 của Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh huyện V - Phòng giao dịch Chấn Hưng đối với khách hàng Lê X theo lãi suất trước điều chỉnh là 11%/năm, lãi suất sau điều chỉnh là 4,86%/năm và cho rằng Thông báo này được coi như Phụ lục của Hợp đồng tín dụng vì Xđang bị tạm giam nên không thể ký Phụ lục của Hợp đồng tín dụng được.

Tuy người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh nhưng quá trình xét xử sơ thẩm Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh huyện V đã cung cấp bảng kê tính lãi khế ước thể hiện áp dụng mức lãi 4,86%/năm đối với số tiền nợ gốc và không tính lãi suất quá hạn. Tại bản tự khai đề ngày 06/3/2023 của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đề nghị tính đến ngày 07/3/2023 ông X, bà H phải trả tổng số tiền là 943.284.032 đồng, trong đó nợ gốc 650.000.000 đồng, nợ lãi 293.284.032 đồng và tính lãi phát sinh kể từ ngày 08/3/2023 đến ngày trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký. Tòa án cấp sơ thẩm đã thiếu sót trong việc chưa làm rõ nguyên đơn đề nghị lãi phát sinh kể từ ngày 08/3/2023 đến ngày trả hết nợ theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng là 11%/năm hay là theo thông báo điều chỉnh lãi suất 4,86%/năm để buộc bên vay tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trong phần quyết định của bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn mới thể hiện quan điểm đề nghị kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ngày 08/3/2023 ông X, bà H phải chịu mức lãi 4,86%/năm

trên số tiền nợ gốc 650.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong mà không đề nghị áp dụng quy định của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với số tiền còn phải thi hành án. Thấy rằng, yêu cầu của Ngân hàng tại phiên tòa phúc thẩm được coi là sự tự thỏa thuận của các đương sự và không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4.3] Tuy không có kháng cáo và kháng nghị nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng, việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận tài liệu, chứng cứ là bản phôtô đóng dấu sao y bản chính của Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh huyện V là không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trường hợp tài liệu, chứng cứ đã được giao nộp chưa đảm bảo đủ cơ sở giải quyết vụ án thì Thẩm phán phải yêu cầu đương sự giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm đã làm rõ và các bên đương sự đều thừa nhận các tài liệu này là sự thật nên không ảnh hưởng đến đường lối giải quyết của vụ án. Yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm về những thiếu sót trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật như đã nêu trên.

[5] Về xử lý tài sản thế chấp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Lê X và bà Lê H đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 137, tờ bản đồ số 09a, diện tích 151m^2 tại thôn 6, xã O, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/6/2012 đứng tên ông Lê X và bà Lê H cùng tài sản trên đất là nhà ở xây kiên cố 03 tầng khép kín theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 03 ngày 18/01/2013.

Thấy rằng, Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng với vợ chồng ông X, bà H là đúng quy định, đã được đăng ký giao dịch đảm bảo nên phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày đăng ký và các bên tham gia ký kết phải có nghĩa vụ chấp hành. Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/12/2022 của TAND huyện V thì tài sản thế chấp vẫn giữ nguyên hiện trạng, không có thay đổi so với thời điểm thế chấp và tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông X, bà H. Vì vậy, trường hợp ông X, bà H không trả được nợ theo quyết định của Tòa án thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Tòa án cấp phúc thẩm sẽ sửa một phần bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng và lãi suất mà bị đơn phải trả sau khi xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 318, 323, 342, 355, 715, 717, 720, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê H; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N Việt Nam.

Buộc vợ chồng ông Lê X, bà Lê H phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam tổng số tiền là 943.284.000 đồng (Chín trăm bốn mươi ba triệu hai trăm tám mươi tư nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 650.000.000 đồng và nợ lãi là 293.284.000 đồng (được làm tròn số).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/3/2023 cho đến khi thi hành xong, vợ chồng ông X, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) theo mức lãi suất 4,86%/năm.

Trường hợp vợ chồng ông Lê X, bà Lê H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N Việt Nam thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 03 ngày 18/01/2013 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm ngôi nhà 03 tầng, cây cối và các tài sản, vật kiến trúc khác gắn liền với quyền sử dụng thửa đất số 137, tờ bản đồ số 09a, có diện tích 151m^2 tại thôn 2, xã O, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên ông Lê X và bà Lê H.

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Vợ chồng ông Lê X, bà Lê H phải chịu 40.298.000 đồng (Bốn mươi triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0005723 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Án phí phúc thẩm: Bà Lê H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng số 0005989 ngày 11/4/2023 Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện V;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thanh Danh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn H Hà **Lê Thị Bích Ngọc**	**Nguyễn Thanh Danh**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn H Hà **Vũ Văn Mạnh** **Nguyễn Thanh Danh**